

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MCB
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2025

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MCB, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vũ

Bà Phạm Thị Thu Vân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lý Thị H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp BC, xã TĐ, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.

*** Bị đơn:** Ông Phạm Văn L, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp ÔC, xã TN, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Thị H trình bày:

Bà và ông Phạm Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện MCB, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/11/2018. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ ông L thường xuyên đi chơi với những người không lành mạnh trong xã hội, về nhà dùng lời lẽ thiếu tế nhị làm bà H bị tổn thất về mặt tinh thần, thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay. Bà nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống và hòa hợp trở lại nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Bà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Quỳnh T, sinh ngày 07/6/2018. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà H khai không có.

- Về nợ chung: Bà H khai không có.

Bị đơn ông Phạm Văn L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Lý do: ông Phạm Văn L đi chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lý Thị H; về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Quỳnh T, sinh ngày 07/6/2018. Sau khi ly hôn, bà H được tiếp tục nuôi con chung; Ghi nhận bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung bà H khai không có nên không xem xét giải quyết; Về nợ chung: không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn hiện đang cư trú tại xã TN, huyện MCB, tỉnh Bến Tre nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Nguyên đơn bà Lý Thị H, bị đơn ông Phạm Văn L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H và ông L là đúng quy định.

[3] Về hôn nhân: Bà Lý Thị H và ông Phạm Văn L tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện MCB, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/11/2018 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Ông L và bà H đã ly thân với nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay. Nay bà H xác định không còn tình cảm với chồng nên bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Bà H và ông L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông L thực tế đã xảy ra. Căn cứ theo biên bản xác minh bà Lý Thị L vào ngày 01/4/2025 cho biết bà H và ông L kết hôn với nhau năm 2018 nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do có mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân do ông L đánh bà H nhiều lần và ông L sử dụng ma túy. Bà H dẫn con về sống chung với nhà bà từ tháng 6/2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng bà H ông L đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay vẫn không thể

hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H có đơn xin ly hôn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà H và ông L có 01 con chung tên Phạm Thị Quỳnh T, sinh ngày 07/6/2018. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ ly thân năm 2020, cháu T sống chung với bà H, hiện nay ông L đi chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được tiếp tục nuôi con chung. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm nghìn) đồng bà Lý Thị H phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lý Thị H cụ thể tuyên:

- Về hôn nhân: Bà Lý Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn L.
- Về con chung: Bà Lý Thị H và ông Phạm Văn L có 01 con chung tên Phạm Thị Quỳnh T, sinh ngày 07/6/2018. Sau khi ly hôn, bà Lý Thị H được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Ghi nhận bà Lý Thị H không yêu cầu ông Phạm Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Văn L được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Lý Thị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lý Thị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà Lý Thị H phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu số 0009320 ngày 14/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCB. Bà Lý Thị H đã nộp xong tiền án phí.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện MCB;
- Chi Cục THADS huyện MCB;
- Các đương sự;
- UBND xã TN;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang